SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 05.08.2024 16:00:18 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2321/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 05 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm

nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi/bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3582/TTr-SNN ngày 31 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 09 thủ tục hành chính ban hành mới; 03 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính:

- Ban hành mới 09 TTHC gồm: cấp tỉnh ban hành mới 06 TTHC mã: 1.012687, 1.012688, 1.012689, 1.012690, 1.012691, 1.012692; cấp huyện ban hành mới 02 TTHC mã: 1.012694, 1.012695; cấp xã ban hành mới 01 TTHC mã: 1.012693.

- Sửa đổi, bổ sung 03 TTHC cấp tỉnh: 02 thủ tục hành chính mã: 1.000084, 1.000081 lĩnh vực lâm nghiệp và 01 thủ tục hành chính mã: 3.000152 lĩnh vực kiểm lâm, đã được ban hành tại *Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021.*

2. Quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính:

- Ban hành mới 01 quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực kiểm lâm cấp tỉnh mã: 1.012691.

- Ban hành mới 08 quy trình điện tử giải quyết TTHC lĩnh vực lâm nghiệp và lĩnh vực kiểm lâm gồm: cấp tỉnh ban hành mới 05 quy trình điện tử: mã: 1.012687, 1.012688, 1.012689, 1.012690, 1.012692; cấp huyện ban hành mới 02 quy trình điện tử mã: 1.012694, 1.012695; cấp xã ban hành mới 01 quy trình điện tử mã: 1.012693.

- Sửa đổi, bổ sung quy trình điện tử giải quyết 03 TTHC cấp tỉnh: sửa đổi, bổ sung 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mã: 1.000084,

1.000081 lĩnh vực lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mã: 3.000152 lĩnh vực kiểm lâm đã được ban hành tại *Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021.*

(Danh mục thủ tục hành chính; quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại *Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021; Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021* vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật công khai thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện điều chỉnh nội dung cấu hình quy trình điện tử đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2321 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
Lĩnh vực Lâm nghiệp								
1	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	55 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	-Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

[1] *Phần chữ được in nghiên là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

[2] *Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-quyet-dinh-cong-bo-chi-tiet.html?ma_quyet_dinh=83580).*

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
Lĩnh vực Kiểm lâm								
2	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định giao rừng: 35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
				https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn			hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa,	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan thẩm quyền quyết	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành;

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
				tỉnh Đồng Nai)	định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị địnhsố 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
			là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ					
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN								
Lĩnh vực Kiểm lâm								
1	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm các huyện và Tp. Biên Hòa - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hạt Kiểm lâm các Huyên và TP.Biên Hòa. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
							Lâm nghiệp.	quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm các huyện và Tp. Biên Hòa - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hạt Kiểm lâm các Huyện và TP.Biên Hòa. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ								
Lĩnh vực Kiểm lâm								
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân	50 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành;

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú[2]
		cư		https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	ban nhân dân cấp huyện.		156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp								
1	1.000084	*Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý*	*45 ngày*	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.000081	*Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý*	*45 ngày*	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II. Lĩnh vực Kiểm lâm								
3	3.000152	Quyết định chủ trương	*- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định*	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến bộ	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm và cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	*điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày.* *- Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày.*	phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN II

NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (1.012691).

a. Thời gian giải quyết: **20 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và PC kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	11,5
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	01
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	01
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và ra quyết định	→	UBND tỉnh	4,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

B. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của Khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.012687).

a. Thời gian giải quyết: **55 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và pháp chế kiểm tra hồ sơ, hoàn thành thẩm định và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	31,5
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	1
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và ra Quyết định	→	UBND tỉnh	19
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1

2. Quyết định giao rừng cho tổ chức (1.012688)

a. Thời gian giải quyết: **35 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn và pháp chế kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	26
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	1
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và ra quyết định	→	UBND tỉnh	5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

3. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (1.012689).

a. Thời gian giải quyết: **20 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian

			giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn và pháp chế kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	7,5
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	0,5
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và ra quyết định	→	UBND tỉnh	9,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

4. Phê duyệt phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (1.012690)

a. Thời gian giải quyết: **15 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian giải quyết**
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và PC kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	7,5
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	0,5
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và ra quyết định	→	UBND tỉnh	4,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và trả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

5. Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (1.012692).

5.1 Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

a. Thời gian giải quyết: **35 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian giải quyết**
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5

Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và PC kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	22
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và trình Hội đồng nhân dân tỉnh	→	UBND tỉnh	9,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và chuyển Hội đồng nhân dân tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,5

5.2 Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

a. Thời gian giải quyết: **48 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian giải quyết**
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và PC kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	22
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5

Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Xem xét và lấy ý kiến bộ ngành và trình Hội đồng nhân dân tỉnh	→	UBND tỉnh	22,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và chuyển Hội đồng nhân dân tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,5

6. **Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.000084).**

a. Thời gian giải quyết: **45 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian giải quyết**
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Sử dụng và phát triển rừng kiểm tra xác minh hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng Sử dụng và PTR	32
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

Xem xét và ra Quyết định	→	UBND tỉnh	9,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và chuyển trả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5

7. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (1.000081).

a. Thời gian giải quyết: **45 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian giải quyết (45 ngày)**
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Sử dụng và phát triển rừng kiểm tra xác minh hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng Sử dụng và PTR	32
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5
Xem xét và ra Quyết định	→	UBND tỉnh	9,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và chuyển trả	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5

cho tổ chức, cá nhân			

8. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: (3.000152)

8.1 Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

a. Thời gian giải quyết: **35 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và PC kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	22
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5
Xem xét và trình Hội đồng nhân dân tỉnh	→	UBND tỉnh	9,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và chuyển Hội đồng nhân dân tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,5

8.2 Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân

dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

a. Thời gian giải quyết: **48 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và PC kiểm tra xác minh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo chi cục	→	Phòng QLBVR, BT và PC	22
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo chi cục	0,5
Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND Tỉnh	→	Lãnh đạo Sở	1
Chuyển báo cáo thẩm định và hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp	0,5
Xem xét , lấy ý kiến bộ ngành và trình Hội đồng nhân dân tỉnh	→	UBND tỉnh	22,5
Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh và chuyển Hội đồng nhân dân tỉnh	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,5

II.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694).

a. Thời gian giải quyết: **20 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian

			giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ và báo cáo Lãnh đạo Hạt	→	Các bộ phận chuyên môn các Hạt Kiểm lâm	08
Ký duyệt và trình kết quả cho lãnh đạo UBND huyện	→	Lãnh đạo các Hạt Kiểm lâm	01
Xem xét và ra quyết định	→	Lãnh đạo UBND Huyện, Thành phố	9,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp Huyện	0,5

2. Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (1.012695).

a. Thời gian giải quyết: **20 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ và báo cáo Lãnh đạo Hạt	→	Bộ phận chuyên môn các Hạt Kiểm lâm	13
Ký duyệt và trình kết quả cho lãnh đạo huyện	→	Lãnh đạo các Hạt Kiểm lâm	01
Xem xét và ra quyết định	→	Lãnh đạo UBND Huyện, Thành phố	4,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp Huyện	0,5

III.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư (1.012693)

a. Thời gian giải quyết: **50 ngày**

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5
Xem xét và chuyển hồ sơ cho Hạt Kiểm lâm	→	UBND cấp xã	4,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	1
Kiểm tra, giải quyết hồ sơ và báo cáo Lãnh đạo Hạt	→	Bộ phận chuyên môn các Hạt Kiểm lâm	28
Ký duyệt và trình kết quả cho lãnh đạo huyện	→	Lãnh đạo các Hạt Kiểm lâm	1
Xem xét và ra quyết định	→	Lãnh đạo UBND Huyện, Thành phố	4,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp Xã	0,5
Bàn giao rừng tại thực địa	→	Hạt Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân cấp xã	10